

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số A, đường Đ, thị trấn N, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Â, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, đường Đ, thị trấn N, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2019 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, ông Bùi Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Â kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T1, thành phố Hải Phòng theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12 tháng 10 năm 1999. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thị trấn N, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Á.

Về con chung: Ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á có hai con chung tên là Bùi Văn T2 sinh ngày 02/3/1999 và Bùi Minh H1 sinh ngày 18/8/2013. Con tên Bùi Văn T2 đã thành niên, khỏe mạnh và có khả năng lao động nên ông không có đề nghị gì. Hiện con tên Bùi Minh H1 đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và do ông đang nuôi dưỡng nên khi ly hôn ông xin nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, ông đề nghị để ông và bà Lê Thị Á tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á có tài sản chung, ông không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là bà Lê Thị Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á. Giao con chung tên là Bùi Minh H1 sinh ngày 18/8/2013 cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, bà Lê Thị Á không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà Lê Thị Á đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T1, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Bùi Văn T xin ly hôn với bà Lê Thị Á. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Văn T với bà Lê Thị Á.

[3] Về con chung: Ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á có hai con chung tên là Bùi Văn T2 sinh ngày 02/3/1999 và Bùi Minh H1 sinh ngày 18/8/2013. Hiện nay con tên Bùi Văn T2 đã đủ 18 tuổi và khỏe mạnh, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi ly hôn ông Bùi Văn T đề nghị nuôi con tên Bùi Minh H1, bà Lê Thị Á không trình bày quan điểm của mình. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á đều có điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung tốt, con chung đang do ông Bùi Văn T nuôi dưỡng, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vì vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên

Bùi Minh H1 cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, ông Bùi Văn T trình bày để tự thỏa thuận và bà Lê Thị Á không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Bùi Minh H1 sinh ngày 18/8/2013 cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

3. Về tài sản chung: Ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Bùi Văn T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0003400 ngày 16 tháng 01 năm 2020; Ông Bùi Văn T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Văn T, bà Lê Thị Á được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã C, huyện T1;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu